

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5/2023

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ - TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Điều Thị Hương và ông Lê Đình Cóong

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thúy Hằng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Dạ Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Điều Thị L, sinh năm 1988 - *Có mặt*

Bị đơn: Ông Điều T, sinh năm 1987 - *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ: Ấp PT, xã HP, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn ghi ngày 30 tháng 11 năm 2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Điều Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Điều T chung sống tự nguyện với nhau từ năm 2007, đến năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HP, huyện BÐ. Sau khi kết hôn thì cả hai vợ chồng sống tại ấp PT, xã HP. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông T không quan tâm chăm sóc đến vợ con,

không đi làm phụ giúp kinh tế gia đình, thường hay say xỉn về quây phá, chửi mắng, đánh đập vợ con. Bà đã chủ động sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Nay bà L cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông T có 02 con chung tên Điều Minh H, sinh ngày 17/10/2008 và Điều Thị Quỳnh Y, sinh ngày 10/12/2018. Bà L yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Điều T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày cho Tòa án. Vào ngày 19/4/2023, ông T có đến Tòa án ngoài lịch triệu tập nhưng trong tình trạng say xỉn nên Thẩm phán không thể làm việc và ghi nhận ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Điều Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T, yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Bị đơn ông Điều T vắng mặt, không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bình Phước phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và về nội dung vụ án:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Điều Thị L thuộc trường hợp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp PT, xã HP, huyện BĐ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện BĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Điều T mặc dù Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Điều Thị L và ông Điều T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HP, huyện BD vào năm 2013. Xét đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án phối hợp với áp trưởng áp PT hỗ trợ giao các giấy tờ cho ông T để đến Toà án làm việc. Tuy nhiên sau khi nhận giấy từ cán bộ áp ông T đã trả lại giấy tờ và nói rằng nếu ông T ký nhận sẽ mất vợ, mất gia đình (Tại biên bản xác minh ngày 08/02/2023).

Kết quả xác minh ngày 08/02/2023 tại nơi cư trú (áp PT) về tình trạng hôn nhân, thu nhập, nghề nghiệp của bà L và ông T cho thấy: Hiện nay bà L và ông T không còn sống chung với nhau, bà L và các con sống trong rẫy khoảng vài tháng trước, bà L đi làm thuê tại địa phương còn ông T không có nghề nghiệp gì, đi lang thang và nhậu nhẹt liên tục. Có đánh vợ con, đập phá nhà cửa. Gia đình ông T, bà L thuộc hộ cận nghèo nên được địa phương hỗ trợ cấp nhà tình thương nhưng ông T say xỉn về còn đập vỡ cửa kính nhà. 02 con chung đi theo bà L và đang do bà L nuôi dưỡng.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà L và ông T đã trầm T, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, không chung tay xây dựng kinh tế gia đình và nuôi dưỡng con cái, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở, cần được chấp nhận.

Trong quá trình chung sống, bà L và ông T có 02 (hai) con chung tên Điều Minh Huy, sinh ngày 17/10/2008 và Điều Thị Quỳnh YẾN, sinh ngày 10/12/2018, hiện các cháu đang chung sống với bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy từ khi bà L, ông T sống ly thân đến nay, các cháu do bà L nuôi dưỡng và cháu Huy cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác kết quả xác minh tại Công an xã HP cho thấy ông T thường xuyên nhậu xỉn, đập phá đồ đạc trong gia đình, không có nghề nghiệp ổn định, hay đi lang thang và đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Ông T vắng mặt tại phiên tòa không có ý kiến trình bày về yêu cầu nuôi con. Do đó, việc giao con chung cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết, đảm bảo được cuộc sống ổn định

và sự phát triển bình thường của con chưa thành niên. Vì vậy, yêu cầu nuôi con chung của bà L cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện VKSND huyện BD về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Điều Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Tuy nhiên, bà L thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Điều Thị L

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Điều Thị L được ly hôn với ông Điều T;

[2] *Về con chung:* Giao 02 con chung Điều Minh Huy, sinh ngày 17/10/2008 và Điều Thị Quỳnh YẾN, sinh ngày 10/12/2018 cho bà L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Điều Thị L được miễn án phí. Trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BD theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017687 ngày 22/12/2022.

[4] *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Đường sự;
- UBND xã HP;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều My